|  |
| --- |
| **TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI** |
| **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** |
| *Dùng chung cho các bộ sách hiện hành* |
| Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. |
| ***Lưu ý:*** Đánh dấu üvào ô ¨ với mỗi nhận định |
| **PHẦN ĐỀ** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Năng lượng mặt trời được sử dụng trong quang hợp của thực vật.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời là yếu tố cần thiết duy nhất cho quá trình quang hợp của thực vật. | ¨ | ¨ |
|  | b. Trong quá trình quang hợp, năng lượng mặt trời được chuyển hóa thành năng lượng hóa học trong các phân tử đường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Quá trình quang hợp chỉ diễn ra vào ban ngày khi có ánh sáng mặt trời. | ¨ | ¨ |
|  | d. Quang hợp của thực vật không cần bất kỳ nguồn năng lượng nào khác ngoài năng lượng mặt trời. | ¨ | ¨ |
| **2** | **Chu trình nước rất quan trọng trên Trái Đất.** |
|  | a. Chu trình nước không ảnh hưởng đến nhiệt độ của các đại dương và hồ nước. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự bay hơi nước từ bề mặt đại dương góp phần vào việc làm mát không khí xung quanh. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chu trình nước làm tăng nhiệt độ của Trái Đất thông qua quá trình ngưng tụ. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các hiện tượng thời tiết như mưa và tuyết là một phần của chu trình nước ảnh hưởng đến nhiệt độ toàn cầu. | ¨ | ¨ |
| **3** | **Nói về năng lượng thủy triều:** |
|  | a. Lực hút hấp dẫn của Mặt Trời không ảnh hưởng đến năng lượng thủy triều. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng thủy triều có thể được khai thác để tạo ra điện năng trong các nhà máy thủy điện. | ¨ | ¨ |
|  | c. Thủy triều chỉ xảy ra ở các vùng biển sâu và không ảnh hưởng đến bờ biển. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng thủy triều không thể tái tạo và phụ thuộc hoàn toàn vào chu kỳ của Mặt Trăng. | ¨ | ¨ |
| **4** | **Năng lượng hạt nhân có thể được tạo ra nhân tạo.** |
|  | a. Năng lượng hạt nhân từ sự hợp hạch không gây ra chất thải phóng xạ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự phân hạch của hạt nhân uranium là quá trình phổ biến để tạo ra năng lượng hạt nhân. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng hạt nhân chỉ có thể được tạo ra từ các hạt nhân nhẹ như hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | d. Cả quá trình phân hạch và hợp hạch đều tạo ra lượng năng lượng tương đương. | ¨ | ¨ |
| **5** | **Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch gây ra:** |
|  | a. Khí thải CO2 từ việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch chỉ ảnh hưởng đến chất lượng không khí địa phương mà không ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu. | ¨ | ¨ |
|  | c. Khí thải nhà kính từ nhiên liệu hóa thạch chủ yếu là methane và không phải CO2. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch không liên quan đến biến đổi khí hậu. | ¨ | ¨ |
| **6** | **Năng lượng địa nhiệt có thể được khai thác và sử dụng để sản xuất điện năng.** |
|  | a. Năng lượng địa nhiệt chỉ có thể khai thác ở các vùng núi lửa hoạt động. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các nhà máy điện địa nhiệt sử dụng hơi nước từ lòng đất để quay các tua-bin và tạo ra điện. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng địa nhiệt là nguồn năng lượng tái tạo nhưng có hạn chế về vị trí khai thác. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc khai thác năng lượng địa nhiệt không gây ra bất kỳ tác động môi trường nào. | ¨ | ¨ |
| **7** | **Việc sử dụng năng lượng mặt trời giúp giảm lượng khí thải CO2 vào khí quyển.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch và không phát thải khí nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc lắp đặt các tấm pin mặt trời có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường sống của động vật hoang dã. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sử dụng năng lượng mặt trời không có tác động đáng kể đến việc giảm khí thải CO2 nếu không được sử dụng trên quy mô lớn. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng không ổn định và phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
| **8** | **Năng lượng thủy điện được tạo ra từ năng lượng của dòng chảy nước.** |
|  | a. Năng lượng thủy điện không phụ thuộc vào tốc độ dòng chảy của nước. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các đập thủy điện có thể gây ra tác động tiêu cực đến hệ sinh thái sông ngòi. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng thủy điện là nguồn năng lượng không tái tạo và sẽ cạn kiệt theo thời gian. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc xây dựng đập thủy điện không gây ảnh hưởng đến cư dân sống gần đó. | ¨ | ¨ |
| **9** | **Nhận xét: Sự chuyển hóa năng lượng từ mặt trời trong chu trình nước tạo nên các nguồn năng lượng hữu ích như năng lượng từ dòng sông.** |
|  | a. Chu trình nước không liên quan đến năng lượng mặt trời và hoàn toàn tự nhiên. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự bốc hơi nước dưới tác động của năng lượng mặt trời là bước đầu tiên trong chu trình nước. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng từ dòng sông không thể được sử dụng để tạo ra điện năng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự ngưng tụ của hơi nước không đóng góp vào chu trình nước. | ¨ | ¨ |
| **10** | **Giá nhiên liệu phụ thuộc vào:** |
|  | a. Chi phí khai thác là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến giá nhiên liệu. | ¨ | ¨ |
|  | b. Chi phí vận chuyển có thể làm tăng đáng kể giá nhiên liệu trên thị trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Yếu tố thị trường không ảnh hưởng đến giá nhiên liệu mà chỉ phụ thuộc vào chi phí sản xuất. | ¨ | ¨ |
|  | d. Chính sách của các quốc gia có trữ lượng nhiên liệu lớn không ảnh hưởng đến giá nhiên liệu toàn cầu. | ¨ | ¨ |
| **11** | **Carbon dioxide (CO2) đóng vai trò quan trọng trong chu trình carbon trên Trái Đất.** |
|  | a. CO2 chỉ được sản sinh từ các hoạt động của con người như công nghiệp và giao thông. | ¨ | ¨ |
|  | b. Thực vật hấp thụ CO2 trong quá trình quang hợp. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chu trình carbon bao gồm các quá trình như hô hấp và phân hủy. | ¨ | ¨ |
|  | d. Mức độ CO2 trong khí quyển không bị ảnh hưởng bởi chu trình carbon. | ¨ | ¨ |
| **12** | **Nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa năng lượng trên Trái Đất.** |
|  | a. Vòng tuần hoàn nước không ảnh hưởng đến sự phân phối năng lượng mặt trời trên Trái Đất. | ¨ | ¨ |
|  | b. Bốc hơi và ngưng tụ là các quá trình thiết yếu trong vòng tuần hoàn nước. | ¨ | ¨ |
|  | c. Vòng tuần hoàn nước góp phần tạo ra các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện. | ¨ | ¨ |
|  | d. Hơi nước trong khí quyển không ảnh hưởng đến các hiện tượng thời tiết. | ¨ | ¨ |
| **13** | **Năng lượng địa nhiệt được khai thác từ nhiệt năng bên trong Trái Đất.** |
|  | a. Năng lượng địa nhiệt chỉ có thể được tiếp cận ở các khu vực núi lửa. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các nhà máy điện địa nhiệt sử dụng nhiệt từ sâu bên trong Trái Đất để sản xuất điện. | ¨ | ¨ |
|  | c. Việc khai thác năng lượng địa nhiệt không có bất kỳ tác động nào đến môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng địa nhiệt là nguồn năng lượng không tái tạo. | ¨ | ¨ |
| **14** | **Năng lượng thủy triều là một dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Việc tạo ra năng lượng thủy triều phụ thuộc hoàn toàn vào lực hấp dẫn của Mặt Trăng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các nhà máy điện thủy triều có thể chuyển đổi năng lượng động học của thủy triều thành điện năng. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng thủy triều không thể dự đoán và không thể được tin cậy cho sản xuất điện liên tục. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc xây dựng các nhà máy điện thủy triều không ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển. | ¨ | ¨ |
| **15** | **Nhiên liệu hóa thạch, như than đá, dầu mỏ và khí đốt tự nhiên, được hình thành từ các tàn dư của thực vật và động vật cổ đại.** |
|  | a. Nhiên liệu hóa thạch được coi là tái tạo vì chúng có thể được thay thế trong vòng đời con người. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch giải phóng khí nhà kính vào khí quyển. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiên liệu hóa thạch là nguồn năng lượng chính trên toàn cầu. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch không có hậu quả môi trường. | ¨ | ¨ |
| **16** | **Việc đốt nhiên liệu hóa thạch:** |
|  | a. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch không sản sinh bất kỳ sản phẩm phụ độc hại nào. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lưu huỳnh dioxide (SO2) và các nitrogen oxide (NOx) là các chất ô nhiễm phổ biến từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ô nhiễm không khí từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe như bệnh về đường hô hấp. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các quy định về phát thải nhiên liệu hóa thạch là không cần thiết để bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
| **17** | **Nói về các nguồn năng lượng tái tạo:** |
|  | a. Các nguồn năng lượng tái tạo bị giới hạn và không thể đáp ứng nhu cầu năng lượng toàn cầu. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng mặt trời và gió là những ví dụ về các nguồn năng lượng tái tạo. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chuyển đổi sang năng lượng tái tạo có thể giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các nguồn năng lượng tái tạo góp phần vào phát thải khí nhà kính. | ¨ | ¨ |
| **18** | **Các nhà máy điện hạt nhân tạo ra năng lượng điện.** |
|  | a. Các nhà máy điện hạt nhân dựa vào các phản ứng hóa học để sản xuất năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Quá trình phân hạch hạt nhân thường được sử dụng trong các nhà máy điện hạt nhân. | ¨ | ¨ |
|  | c. Việc sản xuất năng lượng hạt nhân không tạo ra chất thải phóng xạ. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các biện pháp an toàn là rất quan trọng trong việc vận hành các nhà máy điện hạt nhân. | ¨ | ¨ |
| **19** | **Các biện pháp hiệu quả năng lượng có thể giúp giảm tổng tiêu thụ năng lượng.** |
|  | a. Hiệu quả năng lượng không ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng có thể giảm hóa đơn tiền điện. | ¨ | ¨ |
|  | c. Cách nhiệt các tòa nhà là một biện pháp hiệu quả năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Cải thiện hiệu quả năng lượng chỉ có lợi cho các cơ sở công nghiệp lớn. | ¨ | ¨ |
| **20** | **Các hoạt động của con người có tác động đáng kể đến chu trình carbon.** |
|  | a. Phá rừng làm giảm lượng CO2 được hấp thụ bởi các khu rừng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Chu trình carbon chỉ được điều khiển bởi các quá trình tự nhiên mà không có sự tác động của con người. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các hoạt động công nghiệp làm tăng lượng CO2 phát thải vào khí quyển. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các nỗ lực giảm phát thải carbon có thể giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu. | ¨ | ¨ |
| **21** | **Năng lượng tái tạo có nhiều ưu điểm và nhược điểm khác nhau.** |
|  | a. Năng lượng tái tạo có trữ lượng rất lớn và không gây ô nhiễm môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo không phụ thuộc vào yếu tố thời tiết và thiên nhiên. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chi phí đầu tư ban đầu cho năng lượng tái tạo thường thấp hơn năng lượng không tái tạo. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các thiết bị năng lượng tái tạo sau khi sử dụng không gây ra rác thải khó xử lý. | ¨ | ¨ |
| **22** | **Năng lượng mặt trời có ưu và nhược điểm riêng.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có trữ lượng vô hạn và có mặt ở khắp mọi nơi. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc sử dụng năng lượng mặt trời phát thải nhiều khí nhà kính và tiếng ồn. | ¨ | ¨ |
|  | c. Dụng cụ thu năng lượng mặt trời hiện tại rất khó lắp đặt và cần nhiều diện tích. | ¨ | ¨ |
|  | d. Rác thải từ các tấm pin mặt trời sau khi sử dụng không gây tác hại đến môi trường. | ¨ | ¨ |
| **23** | **Năng lượng gió cũng có những đặc điểm riêng biệt.** |
|  | a. Trữ lượng năng lượng gió rất lớn, coi như vô hạn. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các tuabin điện gió khi hoạt động không gây nguy hiểm cho sinh vật sống gần đó. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng gió không gây ra tiếng ồn khi khai thác và sử dụng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nhà máy điện gió không ảnh hưởng đến hệ sinh thái và động vật hoang dã. | ¨ | ¨ |
| **24** | **Năng lượng sóng biển là một dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng sóng biển có trữ lượng rất lớn và không gây ra chất thải. | ¨ | ¨ |
|  | b. Các thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển hoạt động hiệu quả ở mọi điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chi phí vận hành và bảo trì thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển rất thấp. | ¨ | ¨ |
|  | d. Hệ sinh thái biển không bị ảnh hưởng bởi các thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển. | ¨ | ¨ |
| **25** | **Sử dụng năng lượng hiệu quả góp phần giảm tiêu thụ và bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng mặt trời là biện pháp duy nhất để giảm tiêu thụ năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Giảm bớt tiêu thụ năng lượng điện trong giờ cao điểm là một biện pháp hiệu quả. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các thiết bị tiết kiệm năng lượng thường có hiệu suất hoạt động thấp hơn thiết bị thông thường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là biện pháp giúp tiết kiệm năng lượng. | ¨ | ¨ |
| **26** | **Một số biện pháp bảo vệ môi trường liên quan đến năng lượng.** |
|  | a. Trồng nhiều cây xanh giúp giảm lượng khí thải nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sử dụng năng lượng tái tạo không giúp bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phát thải khí nhà kính là cách duy nhất để bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tái sử dụng và tái chế vật liệu đã qua sử dụng góp phần giảm tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên. | ¨ | ¨ |
| **27** | **Năng lượng từ dòng sông có những ưu và nhược điểm.** |
|  | a. Việc xây dựng các hồ chứa nước giúp điều tiết lưu lượng nước ở hạ lưu. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng dòng sông không phát thải các chất khí ô nhiễm môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Việc xây dựng các hồ chứa nước không ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng dòng sông chỉ có thể khai thác ở những khu vực có địa hình phức tạp. | ¨ | ¨ |
| **28** | **Năng lượng sóng biển có những đặc điểm riêng.** |
|  | a. Năng lượng sóng biển không gây nguy hại cho hệ sinh thái biển. | ¨ | ¨ |
|  | b. Thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chi phí vận hành và bảo trì thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển là rất cao. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng sóng biển có trữ lượng vô hạn và không tạo ra chất thải. | ¨ | ¨ |
| **29** | **Năng lượng tái tạo là một phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng tái tạo giúp giảm phát thải khí nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc khai thác năng lượng tái tạo không đòi hỏi sự đầu tư ban đầu lớn. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng tái tạo không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực nào đến môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác liên tục mà không cần bảo trì thiết bị. | ¨ | ¨ |
| **30** | **Hiệu quả sử dụng năng lượng liên quan mật thiết đến các biện pháp tiết kiệm.** |
|  | a. Tận dụng ánh sáng tự nhiên là một cách hiệu quả để giảm tiêu thụ năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lựa chọn thiết bị có hiệu suất hoạt động cao giúp giảm năng lượng hao phí. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm bớt tiêu thụ năng lượng điện trong giờ cao điểm không ảnh hưởng đến tiết kiệm năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là biện pháp duy nhất để tiết kiệm năng lượng. | ¨ | ¨ |
| **31** | **Bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp năng lượng.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng tái tạo góp phần bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | b. Tái chế vật liệu không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phát thải khí nhà kính là một trong những biện pháp bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Trồng cây xanh không giúp cải thiện chất lượng không khí. | ¨ | ¨ |
| **32** | **Năng lượng mặt trời và năng lượng gió đều là các dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có thể khai thác được vào ban ngày và ban đêm. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng gió không phát thải khí nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chi phí đầu tư ban đầu cho năng lượng mặt trời thường cao hơn năng lượng gió. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng gió có thể được khai thác mọi lúc, không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
| **33** | **Năng lượng tái tạo và sự phụ thuộc vào thời tiết.** |
|  | a. Các dạng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió đều phụ thuộc vào thời tiết. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng từ dòng sông không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng sóng biển chỉ hoạt động hiệu quả khi có sóng lớn. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng tái tạo không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi khí hậu. | ¨ | ¨ |
| **34** | **Hiệu quả và chi phí của các dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có chi phí vận hành thấp nhưng chi phí đầu tư cao. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng gió có chi phí vận hành và bảo trì thấp hơn năng lượng mặt trời. | ¨ | ¨ |
|  | c. Năng lượng sóng biển có chi phí bảo trì rất cao và hiệu quả phụ thuộc vào điều kiện biển. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tất cả các dạng năng lượng tái tạo đều có chi phí đầu tư ban đầu thấp. | ¨ | ¨ |
| **35** | **Sử dụng năng lượng hiệu quả góp phần bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng là cách duy nhất để giảm tiêu thụ năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sử dụng năng lượng tái tạo có thể giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tái chế và tái sử dụng vật liệu giúp giảm lượng rác thải và tiêu thụ năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Việc bảo trì thiết bị điện thường xuyên không ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng. | ¨ | ¨ |
| **36** | **Các biện pháp bảo vệ môi trường trong sử dụng năng lượng.** |
|  | a. Giữ vệ sinh môi trường xung quanh góp phần giảm ô nhiễm không khí. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sử dụng nhiên liệu tái tạo không góp phần giảm phát thải khí nhà kính. | ¨ | ¨ |
|  | c. Trồng cây xanh giúp cải thiện chất lượng không khí và môi trường sống. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm lượng khí thải nhà kính là cách hiệu quả để chống lại biến đổi khí hậu. | ¨ | ¨ |
| **37** | **Các đặc điểm của năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác từ nhiều nguồn khác nhau như mặt trời, gió, sóng biển. | ¨ | ¨ |
|  | b. Năng lượng tái tạo không thể được tích trữ để sử dụng sau này. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các nguồn năng lượng tái tạo không tạo ra khí thải gây ô nhiễm môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác một cách ổn định bất kể điều kiện thời tiết. | ¨ | ¨ |
| **38** | **Lợi ích và hạn chế của năng lượng mặt trời.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời giúp giảm chi phí điện năng cho gia đình. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời đòi hỏi diện tích lớn và vị trí thuận lợi. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các tấm pin năng lượng mặt trời có tuổi thọ rất ngắn và cần thay thế thường xuyên. | ¨ | ¨ |
|  | d. Năng lượng mặt trời có thể được sử dụng cả ban ngày và ban đêm. | ¨ | ¨ |
| **39** | **Hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng thiết bị điện tiết kiệm năng lượng giúp giảm hóa đơn điện. | ¨ | ¨ |
|  | b. Việc sử dụng năng lượng tái tạo có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tái chế các thiết bị điện tử cũ giúp giảm lượng rác thải điện tử. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sử dụng năng lượng hiệu quả không liên quan đến việc bảo vệ môi trường. | ¨ | ¨ |
| **40** | **Các biện pháp giảm tiêu thụ năng lượng.** |
|  | a. Sử dụng bóng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt giúp tiết kiệm năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lắp đặt hệ thống điện thông minh giúp quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là cách duy nhất để tiết kiệm năng lượng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sử dụng máy điều hòa nhiệt độ ở chế độ tiết kiệm năng lượng không làm giảm hiệu suất làm việc của thiết bị. | ¨ | ¨ |

|  |
| --- |
| **PHẦN ĐÁP ÁN** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Năng lượng mặt trời được sử dụng trong quang hợp của thực vật.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời là yếu tố cần thiết duy nhất cho quá trình quang hợp của thực vật. | ¨ | þ |
|  | b. Trong quá trình quang hợp, năng lượng mặt trời được chuyển hóa thành năng lượng hóa học trong các phân tử đường. | þ | ¨ |
|  | c. Quá trình quang hợp chỉ diễn ra vào ban ngày khi có ánh sáng mặt trời. | ¨ | þ |
|  | d. Quang hợp của thực vật không cần bất kỳ nguồn năng lượng nào khác ngoài năng lượng mặt trời. | ¨ | þ |
| **2** | **Chu trình nước rất quan trọng trên Trái Đất.** |
|  | a. Chu trình nước không ảnh hưởng đến nhiệt độ của các đại dương và hồ nước. | ¨ | þ |
|  | b. Sự bay hơi nước từ bề mặt đại dương góp phần vào việc làm mát không khí xung quanh. | þ | ¨ |
|  | c. Chu trình nước làm tăng nhiệt độ của Trái Đất thông qua quá trình ngưng tụ. | ¨ | þ |
|  | d. Các hiện tượng thời tiết như mưa và tuyết là một phần của chu trình nước ảnh hưởng đến nhiệt độ toàn cầu. | þ | ¨ |
| **3** | **Nói về năng lượng thủy triều:** |
|  | a. Lực hút hấp dẫn của Mặt Trời không ảnh hưởng đến năng lượng thủy triều. | ¨ | þ |
|  | b. Năng lượng thủy triều có thể được khai thác để tạo ra điện năng trong các nhà máy thủy điện. | þ | ¨ |
|  | c. Thủy triều chỉ xảy ra ở các vùng biển sâu và không ảnh hưởng đến bờ biển. | ¨ | þ |
|  | d. Năng lượng thủy triều không thể tái tạo và phụ thuộc hoàn toàn vào chu kỳ của Mặt Trăng. | ¨ | þ |
| **4** | **Năng lượng hạt nhân có thể được tạo ra nhân tạo.** |
|  | a. Năng lượng hạt nhân từ sự hợp hạch không gây ra chất thải phóng xạ. | ¨ | þ |
|  | b. Sự phân hạch của hạt nhân uranium là quá trình phổ biến để tạo ra năng lượng hạt nhân. | þ | ¨ |
|  | c. Năng lượng hạt nhân chỉ có thể được tạo ra từ các hạt nhân nhẹ như hydrogen. | ¨ | þ |
|  | d. Cả quá trình phân hạch và hợp hạch đều tạo ra lượng năng lượng tương đương. | ¨ | þ |
| **5** | **Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch gây ra:** |
|  | a. Khí thải CO2 từ việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính. | þ | ¨ |
|  | b. Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch chỉ ảnh hưởng đến chất lượng không khí địa phương mà không ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu. | ¨ | þ |
|  | c. Khí thải nhà kính từ nhiên liệu hóa thạch chủ yếu là methane và không phải CO2. | ¨ | þ |
|  | d. Việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch không liên quan đến biến đổi khí hậu. | ¨ | þ |
| **6** | **Năng lượng địa nhiệt có thể được khai thác và sử dụng để sản xuất điện năng.** |
|  | a. Năng lượng địa nhiệt chỉ có thể khai thác ở các vùng núi lửa hoạt động. | ¨ | þ |
|  | b. Các nhà máy điện địa nhiệt sử dụng hơi nước từ lòng đất để quay các tua-bin và tạo ra điện. | þ | ¨ |
|  | c. Năng lượng địa nhiệt là nguồn năng lượng tái tạo nhưng có hạn chế về vị trí khai thác. | þ | ¨ |
|  | d. Việc khai thác năng lượng địa nhiệt không gây ra bất kỳ tác động môi trường nào. | ¨ | þ |
| **7** | **Việc sử dụng năng lượng mặt trời giúp giảm lượng khí thải CO2 vào khí quyển.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch và không phát thải khí nhà kính. | þ | ¨ |
|  | b. Việc lắp đặt các tấm pin mặt trời có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường sống của động vật hoang dã. | þ | ¨ |
|  | c. Sử dụng năng lượng mặt trời không có tác động đáng kể đến việc giảm khí thải CO2 nếu không được sử dụng trên quy mô lớn. | þ | ¨ |
|  | d. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng không ổn định và phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
| **8** | **Năng lượng thủy điện được tạo ra từ năng lượng của dòng chảy nước.** |
|  | a. Năng lượng thủy điện không phụ thuộc vào tốc độ dòng chảy của nước. | ¨ | þ |
|  | b. Các đập thủy điện có thể gây ra tác động tiêu cực đến hệ sinh thái sông ngòi. | þ | ¨ |
|  | c. Năng lượng thủy điện là nguồn năng lượng không tái tạo và sẽ cạn kiệt theo thời gian. | ¨ | þ |
|  | d. Việc xây dựng đập thủy điện không gây ảnh hưởng đến cư dân sống gần đó. | ¨ | þ |
| **9** | **Nhận xét: Sự chuyển hóa năng lượng từ mặt trời trong chu trình nước tạo nên các nguồn năng lượng hữu ích như năng lượng từ dòng sông.** |
|  | a. Chu trình nước không liên quan đến năng lượng mặt trời và hoàn toàn tự nhiên. | ¨ | þ |
|  | b. Sự bốc hơi nước dưới tác động của năng lượng mặt trời là bước đầu tiên trong chu trình nước. | þ | ¨ |
|  | c. Năng lượng từ dòng sông không thể được sử dụng để tạo ra điện năng. | ¨ | þ |
|  | d. Sự ngưng tụ của hơi nước không đóng góp vào chu trình nước. | ¨ | þ |
| **10** | **Giá nhiên liệu phụ thuộc vào:** |
|  | a. Chi phí khai thác là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến giá nhiên liệu. | ¨ | þ |
|  | b. Chi phí vận chuyển có thể làm tăng đáng kể giá nhiên liệu trên thị trường. | þ | ¨ |
|  | c. Yếu tố thị trường không ảnh hưởng đến giá nhiên liệu mà chỉ phụ thuộc vào chi phí sản xuất. | ¨ | þ |
|  | d. Chính sách của các quốc gia có trữ lượng nhiên liệu lớn không ảnh hưởng đến giá nhiên liệu toàn cầu. | þ | ¨ |
| **11** | **Carbon dioxide (CO2) đóng vai trò quan trọng trong chu trình carbon trên Trái Đất.** |
|  | a. CO2 chỉ được sản sinh từ các hoạt động của con người như công nghiệp và giao thông. | ¨ | þ |
|  | b. Thực vật hấp thụ CO2 trong quá trình quang hợp. | þ | ¨ |
|  | c. Chu trình carbon bao gồm các quá trình như hô hấp và phân hủy. | þ | ¨ |
|  | d. Mức độ CO2 trong khí quyển không bị ảnh hưởng bởi chu trình carbon. | ¨ | þ |
| **12** | **Nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa năng lượng trên Trái Đất.** |
|  | a. Vòng tuần hoàn nước không ảnh hưởng đến sự phân phối năng lượng mặt trời trên Trái Đất. | ¨ | þ |
|  | b. Bốc hơi và ngưng tụ là các quá trình thiết yếu trong vòng tuần hoàn nước. | þ | ¨ |
|  | c. Vòng tuần hoàn nước góp phần tạo ra các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện. | þ | ¨ |
|  | d. Hơi nước trong khí quyển không ảnh hưởng đến các hiện tượng thời tiết. | ¨ | þ |
| **13** | **Năng lượng địa nhiệt được khai thác từ nhiệt năng bên trong Trái Đất.** |
|  | a. Năng lượng địa nhiệt chỉ có thể được tiếp cận ở các khu vực núi lửa. | ¨ | þ |
|  | b. Các nhà máy điện địa nhiệt sử dụng nhiệt từ sâu bên trong Trái Đất để sản xuất điện. | þ | ¨ |
|  | c. Việc khai thác năng lượng địa nhiệt không có bất kỳ tác động nào đến môi trường. | ¨ | þ |
|  | d. Năng lượng địa nhiệt là nguồn năng lượng không tái tạo. | ¨ | þ |
| **14** | **Năng lượng thủy triều là một dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Việc tạo ra năng lượng thủy triều phụ thuộc hoàn toàn vào lực hấp dẫn của Mặt Trăng. | ¨ | þ |
|  | b. Các nhà máy điện thủy triều có thể chuyển đổi năng lượng động học của thủy triều thành điện năng. | þ | ¨ |
|  | c. Năng lượng thủy triều không thể dự đoán và không thể được tin cậy cho sản xuất điện liên tục. | ¨ | þ |
|  | d. Việc xây dựng các nhà máy điện thủy triều không ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển. | ¨ | þ |
| **15** | **Nhiên liệu hóa thạch, như than đá, dầu mỏ và khí đốt tự nhiên, được hình thành từ các tàn dư của thực vật và động vật cổ đại.** |
|  | a. Nhiên liệu hóa thạch được coi là tái tạo vì chúng có thể được thay thế trong vòng đời con người. | ¨ | þ |
|  | b. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch giải phóng khí nhà kính vào khí quyển. | þ | ¨ |
|  | c. Nhiên liệu hóa thạch là nguồn năng lượng chính trên toàn cầu. | þ | ¨ |
|  | d. Việc khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch không có hậu quả môi trường. | ¨ | þ |
| **16** | **Việc đốt nhiên liệu hóa thạch:** |
|  | a. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch không sản sinh bất kỳ sản phẩm phụ độc hại nào. | ¨ | þ |
|  | b. Lưu huỳnh dioxide (SO2) và các nitrogen oxide (NOx) là các chất ô nhiễm phổ biến từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch. | þ | ¨ |
|  | c. Ô nhiễm không khí từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe như bệnh về đường hô hấp. | þ | ¨ |
|  | d. Các quy định về phát thải nhiên liệu hóa thạch là không cần thiết để bảo vệ môi trường. | ¨ | þ |
| **17** | **Nói về các nguồn năng lượng tái tạo:** |
|  | a. Các nguồn năng lượng tái tạo bị giới hạn và không thể đáp ứng nhu cầu năng lượng toàn cầu. | ¨ | þ |
|  | b. Năng lượng mặt trời và gió là những ví dụ về các nguồn năng lượng tái tạo. | þ | ¨ |
|  | c. Chuyển đổi sang năng lượng tái tạo có thể giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. | þ | ¨ |
|  | d. Các nguồn năng lượng tái tạo góp phần vào phát thải khí nhà kính. | ¨ | þ |
| **18** | **Các nhà máy điện hạt nhân tạo ra năng lượng điện.** |
|  | a. Các nhà máy điện hạt nhân dựa vào các phản ứng hóa học để sản xuất năng lượng. | ¨ | þ |
|  | b. Quá trình phân hạch hạt nhân thường được sử dụng trong các nhà máy điện hạt nhân. | þ | ¨ |
|  | c. Việc sản xuất năng lượng hạt nhân không tạo ra chất thải phóng xạ. | ¨ | þ |
|  | d. Các biện pháp an toàn là rất quan trọng trong việc vận hành các nhà máy điện hạt nhân. | þ | ¨ |
| **19** | **Các biện pháp hiệu quả năng lượng có thể giúp giảm tổng tiêu thụ năng lượng.** |
|  | a. Hiệu quả năng lượng không ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng. | ¨ | þ |
|  | b. Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng có thể giảm hóa đơn tiền điện. | þ | ¨ |
|  | c. Cách nhiệt các tòa nhà là một biện pháp hiệu quả năng lượng. | þ | ¨ |
|  | d. Cải thiện hiệu quả năng lượng chỉ có lợi cho các cơ sở công nghiệp lớn. | ¨ | þ |
| **20** | **Các hoạt động của con người có tác động đáng kể đến chu trình carbon.** |
|  | a. Phá rừng làm giảm lượng CO2 được hấp thụ bởi các khu rừng. | þ | ¨ |
|  | b. Chu trình carbon chỉ được điều khiển bởi các quá trình tự nhiên mà không có sự tác động của con người. | ¨ | þ |
|  | c. Các hoạt động công nghiệp làm tăng lượng CO2 phát thải vào khí quyển. | þ | ¨ |
|  | d. Các nỗ lực giảm phát thải carbon có thể giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu. | þ | ¨ |
| **21** | **Năng lượng tái tạo có nhiều ưu điểm và nhược điểm khác nhau.** |
|  | a. Năng lượng tái tạo có trữ lượng rất lớn và không gây ô nhiễm môi trường. | þ | ¨ |
|  | b. Việc khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo không phụ thuộc vào yếu tố thời tiết và thiên nhiên. | ¨ | þ |
|  | c. Chi phí đầu tư ban đầu cho năng lượng tái tạo thường thấp hơn năng lượng không tái tạo. | ¨ | þ |
|  | d. Các thiết bị năng lượng tái tạo sau khi sử dụng không gây ra rác thải khó xử lý. | ¨ | þ |
| **22** | **Năng lượng mặt trời có ưu và nhược điểm riêng.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có trữ lượng vô hạn và có mặt ở khắp mọi nơi. | þ | ¨ |
|  | b. Việc sử dụng năng lượng mặt trời phát thải nhiều khí nhà kính và tiếng ồn. | ¨ | þ |
|  | c. Dụng cụ thu năng lượng mặt trời hiện tại rất khó lắp đặt và cần nhiều diện tích. | ¨ | þ |
|  | d. Rác thải từ các tấm pin mặt trời sau khi sử dụng không gây tác hại đến môi trường. | ¨ | þ |
| **23** | **Năng lượng gió cũng có những đặc điểm riêng biệt.** |
|  | a. Trữ lượng năng lượng gió rất lớn, coi như vô hạn. | þ | ¨ |
|  | b. Các tuabin điện gió khi hoạt động không gây nguy hiểm cho sinh vật sống gần đó. | ¨ | þ |
|  | c. Năng lượng gió không gây ra tiếng ồn khi khai thác và sử dụng. | ¨ | þ |
|  | d. Nhà máy điện gió không ảnh hưởng đến hệ sinh thái và động vật hoang dã. | ¨ | þ |
| **24** | **Năng lượng sóng biển là một dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng sóng biển có trữ lượng rất lớn và không gây ra chất thải. | þ | ¨ |
|  | b. Các thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển hoạt động hiệu quả ở mọi điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
|  | c. Chi phí vận hành và bảo trì thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển rất thấp. | ¨ | þ |
|  | d. Hệ sinh thái biển không bị ảnh hưởng bởi các thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển. | ¨ | þ |
| **25** | **Sử dụng năng lượng hiệu quả góp phần giảm tiêu thụ và bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng mặt trời là biện pháp duy nhất để giảm tiêu thụ năng lượng. | ¨ | þ |
|  | b. Giảm bớt tiêu thụ năng lượng điện trong giờ cao điểm là một biện pháp hiệu quả. | þ | ¨ |
|  | c. Các thiết bị tiết kiệm năng lượng thường có hiệu suất hoạt động thấp hơn thiết bị thông thường. | ¨ | þ |
|  | d. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là biện pháp giúp tiết kiệm năng lượng. | þ | ¨ |
| **26** | **Một số biện pháp bảo vệ môi trường liên quan đến năng lượng.** |
|  | a. Trồng nhiều cây xanh giúp giảm lượng khí thải nhà kính. | þ | ¨ |
|  | b. Sử dụng năng lượng tái tạo không giúp bảo vệ môi trường. | ¨ | þ |
|  | c. Giảm phát thải khí nhà kính là cách duy nhất để bảo vệ môi trường. | ¨ | þ |
|  | d. Tái sử dụng và tái chế vật liệu đã qua sử dụng góp phần giảm tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên. | þ | ¨ |
| **27** | **Năng lượng từ dòng sông có những ưu và nhược điểm.** |
|  | a. Việc xây dựng các hồ chứa nước giúp điều tiết lưu lượng nước ở hạ lưu. | þ | ¨ |
|  | b. Năng lượng dòng sông không phát thải các chất khí ô nhiễm môi trường. | þ | ¨ |
|  | c. Việc xây dựng các hồ chứa nước không ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực. | ¨ | þ |
|  | d. Năng lượng dòng sông chỉ có thể khai thác ở những khu vực có địa hình phức tạp. | ¨ | þ |
| **28** | **Năng lượng sóng biển có những đặc điểm riêng.** |
|  | a. Năng lượng sóng biển không gây nguy hại cho hệ sinh thái biển. | þ | ¨ |
|  | b. Thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
|  | c. Chi phí vận hành và bảo trì thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng biển là rất cao. | þ | ¨ |
|  | d. Năng lượng sóng biển có trữ lượng vô hạn và không tạo ra chất thải. | þ | ¨ |
| **29** | **Năng lượng tái tạo là một phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng tái tạo giúp giảm phát thải khí nhà kính. | þ | ¨ |
|  | b. Việc khai thác năng lượng tái tạo không đòi hỏi sự đầu tư ban đầu lớn. | ¨ | þ |
|  | c. Năng lượng tái tạo không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực nào đến môi trường. | ¨ | þ |
|  | d. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác liên tục mà không cần bảo trì thiết bị. | ¨ | þ |
| **30** | **Hiệu quả sử dụng năng lượng liên quan mật thiết đến các biện pháp tiết kiệm.** |
|  | a. Tận dụng ánh sáng tự nhiên là một cách hiệu quả để giảm tiêu thụ năng lượng. | þ | ¨ |
|  | b. Lựa chọn thiết bị có hiệu suất hoạt động cao giúp giảm năng lượng hao phí. | þ | ¨ |
|  | c. Giảm bớt tiêu thụ năng lượng điện trong giờ cao điểm không ảnh hưởng đến tiết kiệm năng lượng. | ¨ | þ |
|  | d. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là biện pháp duy nhất để tiết kiệm năng lượng. | ¨ | þ |
| **31** | **Bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp năng lượng.** |
|  | a. Sử dụng năng lượng tái tạo góp phần bảo vệ môi trường. | þ | ¨ |
|  | b. Tái chế vật liệu không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo vệ môi trường. | ¨ | þ |
|  | c. Giảm phát thải khí nhà kính là một trong những biện pháp bảo vệ môi trường. | þ | ¨ |
|  | d. Trồng cây xanh không giúp cải thiện chất lượng không khí. | ¨ | þ |
| **32** | **Năng lượng mặt trời và năng lượng gió đều là các dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có thể khai thác được vào ban ngày và ban đêm. | ¨ | þ |
|  | b. Năng lượng gió không phát thải khí nhà kính. | þ | ¨ |
|  | c. Chi phí đầu tư ban đầu cho năng lượng mặt trời thường cao hơn năng lượng gió. | þ | ¨ |
|  | d. Năng lượng gió có thể được khai thác mọi lúc, không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
| **33** | **Năng lượng tái tạo và sự phụ thuộc vào thời tiết.** |
|  | a. Các dạng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió đều phụ thuộc vào thời tiết. | þ | ¨ |
|  | b. Năng lượng từ dòng sông không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
|  | c. Năng lượng sóng biển chỉ hoạt động hiệu quả khi có sóng lớn. | þ | ¨ |
|  | d. Năng lượng tái tạo không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi khí hậu. | ¨ | þ |
| **34** | **Hiệu quả và chi phí của các dạng năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời có chi phí vận hành thấp nhưng chi phí đầu tư cao. | þ | ¨ |
|  | b. Năng lượng gió có chi phí vận hành và bảo trì thấp hơn năng lượng mặt trời. | ¨ | þ |
|  | c. Năng lượng sóng biển có chi phí bảo trì rất cao và hiệu quả phụ thuộc vào điều kiện biển. | þ | ¨ |
|  | d. Tất cả các dạng năng lượng tái tạo đều có chi phí đầu tư ban đầu thấp. | ¨ | þ |
| **35** | **Sử dụng năng lượng hiệu quả góp phần bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng là cách duy nhất để giảm tiêu thụ năng lượng. | ¨ | þ |
|  | b. Sử dụng năng lượng tái tạo có thể giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. | þ | ¨ |
|  | c. Tái chế và tái sử dụng vật liệu giúp giảm lượng rác thải và tiêu thụ năng lượng. | þ | ¨ |
|  | d. Việc bảo trì thiết bị điện thường xuyên không ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng. | ¨ | þ |
| **36** | **Các biện pháp bảo vệ môi trường trong sử dụng năng lượng.** |
|  | a. Giữ vệ sinh môi trường xung quanh góp phần giảm ô nhiễm không khí. | þ | ¨ |
|  | b. Sử dụng nhiên liệu tái tạo không góp phần giảm phát thải khí nhà kính. | ¨ | þ |
|  | c. Trồng cây xanh giúp cải thiện chất lượng không khí và môi trường sống. | þ | ¨ |
|  | d. Giảm lượng khí thải nhà kính là cách hiệu quả để chống lại biến đổi khí hậu. | þ | ¨ |
| **37** | **Các đặc điểm của năng lượng tái tạo.** |
|  | a. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác từ nhiều nguồn khác nhau như mặt trời, gió, sóng biển. | þ | ¨ |
|  | b. Năng lượng tái tạo không thể được tích trữ để sử dụng sau này. | ¨ | þ |
|  | c. Các nguồn năng lượng tái tạo không tạo ra khí thải gây ô nhiễm môi trường. | þ | ¨ |
|  | d. Năng lượng tái tạo có thể được khai thác một cách ổn định bất kể điều kiện thời tiết. | ¨ | þ |
| **38** | **Lợi ích và hạn chế của năng lượng mặt trời.** |
|  | a. Năng lượng mặt trời giúp giảm chi phí điện năng cho gia đình. | þ | ¨ |
|  | b. Việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời đòi hỏi diện tích lớn và vị trí thuận lợi. | þ | ¨ |
|  | c. Các tấm pin năng lượng mặt trời có tuổi thọ rất ngắn và cần thay thế thường xuyên. | ¨ | þ |
|  | d. Năng lượng mặt trời có thể được sử dụng cả ban ngày và ban đêm. | ¨ | þ |
| **39** | **Hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.** |
|  | a. Sử dụng thiết bị điện tiết kiệm năng lượng giúp giảm hóa đơn điện. | þ | ¨ |
|  | b. Việc sử dụng năng lượng tái tạo có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường. | ¨ | þ |
|  | c. Tái chế các thiết bị điện tử cũ giúp giảm lượng rác thải điện tử. | þ | ¨ |
|  | d. Sử dụng năng lượng hiệu quả không liên quan đến việc bảo vệ môi trường. | ¨ | þ |
| **40** | **Các biện pháp giảm tiêu thụ năng lượng.** |
|  | a. Sử dụng bóng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt giúp tiết kiệm năng lượng. | þ | ¨ |
|  | b. Lắp đặt hệ thống điện thông minh giúp quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả. | þ | ¨ |
|  | c. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng là cách duy nhất để tiết kiệm năng lượng. | ¨ | þ |
|  | d. Sử dụng máy điều hòa nhiệt độ ở chế độ tiết kiệm năng lượng không làm giảm hiệu suất làm việc của thiết bị. | þ | ¨ |